

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG HỒ  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày 19/4/2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mai Ka

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Ánh Tuyết

Ông Lê Việt Hùng

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:** Ông Phạm Thành Được - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Phạm Ngọc Q**, sinh năm 1997 (có mặt)

Địa chỉ: Số 144/8 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Số 23C ấp C, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Hoàng P**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Số 144/8 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1952 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 144/8 ấp A, xã B, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2021 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Ngọc Q trình bày: Chị Q và anh Phạm

Hoàng P quen biết và tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định, được UBND xã B, huyện Long Hồ cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 35, ngày 11/6/2018.

Thời gian đầu sau khi kết hôn cuộc sống gia đình rất hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh P không chí thú làm ăn để cải thiện cuộc sống vợ chồng mà chỉ lo ăn chơi, hai người thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị Q đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, anh P không có bạo hành hay đánh đập chị Q nhưng anh P thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị Q. Chị Q đã trở về nhà cha mẹ ruột để ở từ tháng 11/2020 đến nay, từ thời gian đó đến nay anh P không có đến thăm nom cũng không có biện pháp nào hàn gắn đoàn tụ với chị Q. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn với anh Phạm Hoàng P.

Về con chung: Chị Q và anh P có 02 người con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên K, sinh ngày 01/5/2019; cháu Phạm Hoàng Anh T, sinh ngày 02/11/2020. Hiện cháu Thiên K đang sống chung với anh P, còn bé Anh T đang sống với chị Q. Sau khi ly hôn chị Q đồng ý giao cháu Thiên K cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị Q không cấp dưỡng nuôi con. Chị Q sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Anh T, không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại Đơn khởi kiện ngày 12/01/2020 chị Q trình bày trong thời kỳ hôn nhân chị Q và anh P có tài sản chung là 01 lượng vàng 24K, đây là vàng cưới của vợ chồng, sau khi kết hôn thì anh P gửi số vàng này cho mẹ chồng là bà Trần Thị G giữ, lúc mẹ chồng bệnh có bán 04 chỉ vàng để chữa trị, còn lại 06 chỉ vàng 24K chị Q yêu cầu chia đôi, mỗi người được 03 chỉ vàng 24K.

Ngày 02/3/2021 chị Q xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P và bà G phải trả lại cho chị Q 03 chỉ vàng 24K nữa.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Hoàng P trình bày: Anh P thống nhất lời trình bày của chị Q về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng anh P thừa nhận anh và chị Q có mâu thuẫn với nhau vì những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Thời gian chị Q sinh bé thứ hai cháu Anh T thì có về bên nhà cha mẹ ruột ở, anh P có đón chị Q về nhưng chỉ một tuần sau thì chị Q lại bỏ về bên nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nay theo yêu cầu của chị Q thì anh P không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn thương vợ, muốn hàn gắn với chị Q. Trường hợp Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Q thì anh P có ý kiến như sau:

Về con chung: Anh P đồng ý giao con chung là cháu Phạm Hoàng Anh T, sinh ngày 02/11/2020 cho chị Q nuôi dưỡng, anh P không cấp dưỡng nuôi con.

Anh P sẽ nuôi cháu Phạm Hoàng Thiên K, sinh ngày 01/5/2019, không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Phạm Ngọc Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh Phạm Hoàng P không đồng ý ly hôn với chị Q.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Thẩm quyền thụ lý vụ án đúng theo Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh tình trạng hôn nhân đúng theo quy định tại Điều 97,98 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng quy định theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyễn Phạm Ngọc Q được ly hôn với anh Phạm Hoàng P.

Con chung giao cháu Phạm Hoàng Anh T, sinh ngày 02/11/2020 cho chị Nguyễn Phạm Ngọc Q tiếp tục nuôi dưỡng, anh Phạm Hoàng P không phải cấp dưỡng nuôi con; giao cháu Phạm Hoàng Thiên K, sinh ngày 01/5/2019 cho anh Phạm Hoàng P tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Phạm Ngọc Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Buộc Nguyễn Phạm Ngọc Q nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xác định

quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2.] Về người tham gia tố tụng: Tại Đơn khởi kiện ngày 12/01/2020 chị Q trình bày trong thời kỳ hôn nhân chị Q và anh P có tài sản chung là 01 lượng vàng 24K, đây là vàng cưới của vợ chồng, sau khi kết hôn thì anh P gửi số vàng này cho mẹ chồng là bà Trần Thị G giữ, lúc mẹ chồng bệnh có bán 04 chỉ vàng để chữa trị, còn lại 06 chỉ vàng 24K, chị Q yêu cầu chia đôi, mỗi người được 03 chỉ vàng 24K. Chị Q yêu cầu anh P và bà G phải liên đới trả cho chị Q 03 chỉ vàng 24K.

Ngày 02/3/2021 chị Q có Đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P và bà G phải trả lại cho chị Q 03 chỉ vàng 24K nữa.

Do chị Q thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh P và bà G phải trả lại cho chị Q 03 chỉ vàng 24K nên bà Trần Thị G không còn là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì việc giải quyết vụ án không có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà G theo quy định tại Điều 68 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bà G có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà G theo thủ tục chung.

## [2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Phạm Ngọc Q và anh Phạm Hoàng P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 35 ngày 11/6/2018 tại Ủy ban nhân dân xã B nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Q: Chị Q trình bày trong thời gian chung sống anh P và chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh P chỉ lo ăn chơi, không chăm lo gia đình, không quan tâm đến vợ con, khi mâu thuẫn xảy ra anh P còn dùng lời lẽ nhục mạ danh dự, nhân phẩm của chị. Chị Q đã cố gắng hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn chia sẻ và tôn trọng nhau, cuộc sống gia đình không hạnh phúc.

Xét thấy anh P cũng thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn nên mới dẫn đến việc chị Q đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai người đã ly thân từ tháng 11/2020 đến nay. Quá trình xác minh tại địa phương cũng xác nhận chị Q và anh P có phát sinh mâu thuẫn, chị Q có gửi đơn đến Ban nhân dân ấp A để tổ chức hòa giải nhưng không thành nên chị Q đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống một thời gian. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q vẫn kiên quyết ly hôn với anh P, anh P không đồng ý, Tòa án đã cho thời gian để hai vợ chồng hàn gắn nhưng đến nay anh P vẫn không đưa ra được biện pháp nào hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Q.

Chị Q xác nhận đã không còn tình cảm với anh P. Điều này thể hiện mâu thuẫn gia đình đã phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q với anh P.

[3] Về con chung: Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Q và anh P: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Anh T, sinh ngày 02/11/2020 cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên K, sinh ngày 01/5/2019 cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

Chị Nguyễn Phạm Ngọc Q, anh Phạm Hoàng P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q, anh P không yêu cầu nên các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q và anh P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc chị Nguyễn Phạm Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phạm Ngọc Q.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Phạm Ngọc Q được ly hôn với anh Phạm Hoàng P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Anh T, sinh ngày 02/11/2020 cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Thiên K, sinh ngày 01/5/2019 cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

Chị Nguyễn Phạm Ngọc Q, anh Phạm Hoàng P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q, anh P không yêu cầu nên các đương sự không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Phạm Ngọc Q và anh Phạm Hoàng P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Phạm Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 697.000 đồng theo biên lai thu số 0006402 ngày 12/01/2021, hoàn trả lại cho chị Q số tiền còn lại 397.000 đồng (Ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã B: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ngô Thị Mai Ka**